

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

MSMH	Tên môn học	Số tín chỉ
DC124DV01	TÂM LÝ HỌC- KHÁI NIỆM VÀ ỨNG DỤNG	3
	PSYCHOLOGY- CONCEPTS AND APPLICATIONS	

Sử dụng kể từ học kỳ 14.1A năm học 2014-2015 theo quyết định số 813/QĐ-BGH
ngày 01/8/14

A. Quy cách môn học:

Số tiết						Số tiết phòng học		
Tổng số tiết	Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Đi thực tế	Tự học	Phòng lý thuyết	Phòng thực hành	Đi thực tế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
45	30	5	10	0	90	45	0	0

$$(1) = (2) + (3) + (4) + (5) = (7) + (8) + (9)$$

B. Liên hệ với môn học khác và điều kiện học môn học:

Liên hệ	Mã số môn học	Tên môn học
Môn tiên quyết: Không có		
Môn song hành: Không có		
Điều kiện khác: Không có		

C. Tóm tắt nội dung môn học:

Môn học này được xây dựng cho sinh viên không **thuộc chuyên ngành Tâm lý học** nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát về Tâm lý học thông qua việc tiếp cận với những khái niệm cơ bản của Tâm lý học nhận thức, Tâm lý học phát triển, Tâm lý học xã hội, Tâm lý học trị liệu,... như: cảm giác, tri giác, nhận thức, ấn tượng ban đầu, quy gán xã hội, ám thị, tư duy, trí thông minh, trí thông minh đa dạng, trí nhớ, chứng quên, ý thức, vô thức, các trạng thái ý thức, động cơ, cảm xúc, hành vi, sang chấn tâm lý, rối loạn tâm lý, stress, ... Từ đó, Giảng viên tổ chức giờ học theo cách phân tích về hiện tượng Tâm lý xuất hiện trong cuộc sống để Sinh viên ứng dụng những lý

thuyết đã nghiên cứu vào việc quan sát, đánh giá, phân tích những vấn đề tâm lý của bản thân và môi trường xung quanh.

D. Mục tiêu của môn học:

Stt	Mục tiêu của môn học
1	Cung cấp cho Sinh viên những kiến thức tổng quát về Tâm lý học
2	Giúp Sinh viên hiểu được những khái niệm và lý thuyết cơ bản về hoạt động tâm lý.
3	Giúp Sinh viên có ý thức quan sát, tìm hiểu, nghiên cứu những hiện tượng tâm lý trong đời sống xã hội và của bản thân.
4	Giúp Sinh viên ứng dụng những kiến thức đã học để nhận thức, phân tích, đánh giá đúng những hiện tượng tâm lý diễn ra trong xã hội.
5	Giúp Sinh viên tự đánh giá quá trình nhận thức, tư duy, ghi nhớ và các đặc điểm nhân cách của bản thân cũng như tự quản lý cảm xúc và xây dựng động cơ tích cực trong học tập.

E. Kết quả đạt được sau khi học môn học:

Sau khi kết thúc môn học, Sinh viên sẽ đạt được những mục tiêu cụ thể nêu dưới đây:

Stt	Kết quả đạt được
1	Hiểu được bản chất, đặc điểm và phương pháp nghiên cứu của khoa học Tâm lý.
2	Hiểu được khái niệm về cảm giác, tri giác và nhận biết được các giai đoạn của quá trình nhận thức.
3	Nhận diện và ứng dụng được các quy luật cảm giác và tri giác trong cuộc sống
4	Hiểu được khái niệm ấn tượng ban đầu, quy gán xã hội, ám thị.
5	Phân tích được sự tác động của các hiện tượng tâm lý trong tri giác liên cá nhân (tri giác xã hội)
6	Hiểu được sự tương quan giữa tư duy và ngôn ngữ
7	Thực hành được việc quan sát sự phát triển tư duy và ngôn ngữ ở trẻ em
8	Hiểu được nguồn gốc của kiểm tra trí thông minh và các lý thuyết về trí thông minh.
9	Ứng dụng được lý thuyết trí thông minh đa dạng trong việc đánh giá

	sự thông minh của một cá nhân
10	Hiểu được các học thuyết về trí nhớ
11	Ứng dụng được những đặc điểm và quy luật của trí nhớ trong hoạt động học tập
12	Hiểu được khái niệm vô thức và các trạng thái ý thức của con người
13	Lý giải được nguyên nhân mất ngủ và phân tích được những hành vi bị tác động bởi vô thức.
14	Hiểu được khái niệm động cơ và phân loại động cơ
15	Thực hành được việc tạo lập động cơ tích cực trong việc phát triển bản thân.
16	Hiểu được cơ sở sinh học của tâm lý
17	Phân tích được hoạt động của noron thần kinh, nhận diện được các vùng chức năng trên não và sự ảnh hưởng của chúng đến hành vi và tâm lý con người.
18	Hiểu được tiến trình học tập theo lý thuyết hành vi.
19	Ứng dụng các thuyết hành vi trong tạo lập và dập tắt hành vi.
20	Nhận diện được mối quan hệ giữa di truyền và hành vi
21	Hiểu được khái niệm sang chấn tâm lý, rối loạn tâm lý và các phương pháp trị liệu tâm lý
22	Nhận diện được những hiện tượng tâm lý bất thường trong cuộc sống
23	Hiểu được vai trò của cảm xúc trong cuộc sống và những lý thuyết tâm lý về cảm xúc
24	Nhận biết được các biểu hiện, các cấp độ của stress và thực hành được việc quản lý cảm xúc bản thân, đối phó stress.

F. Phương thức tiến hành môn học:

	Loại hình phòng	Số tiết
1	Phòng lý thuyết	45
2	Phòng thực hành (Phòng máy)	0
	Tổng cộng	45

1. Các cách tổ chức lớp học:
 - Giảng trên lớp (Lecture)
 - Giờ bài tập (Tutorial)
 - Bài tập về nhà (Homework)
2. Môn học này được tiến hành bằng cách giảng trên lớp (lecture) và sinh viên chia thành nhóm nhỏ từ 5- 7 thành viên để làm bài tập. Số giờ giảng là 30 tiết (75% thời lượng của môn học), số tiết dành cho bài tập là 5 tiết và số tiết dành cho thực hành là 10 tiết được diễn ra trong 15 tuần, mỗi tuần 3 tiết. Sĩ số tối đa trên lớp là 41 sinh viên, sĩ số mỗi nhóm bài tập tối đa là 7 sinh viên. Phòng học trang bị bàn ghế rời, màn chiếu, projector, bút lông, loa, micro.
3. Bài giảng được giảng bằng tiếng Việt, có chú thích tiếng Anh cho các thuật ngữ. Sinh viên đọc tài liệu tiếng Việt và tiếng Anh.
4. Những kỳ vọng đối với sinh viên khi tham gia môn học:

Chúng tôi tin rằng đây là một môn học thiết thực cho sinh viên trong học tập, đặc biệt là cho việc nhận thức đời sống tâm lý của mỗi người trong bối cảnh xã hội hiện đại. Môn học sẽ rất vui vẻ và tràn đầy hứng thú, vì vậy chúng tôi kỳ vọng các sinh viên sẽ thực hiện những điều sau đây khi tham gia lớp học.

 - Sinh viên đọc tài liệu tham khảo đề cập trong đề cương trước khi tham gia buổi học.
 - Sinh viên vui lòng đến lớp đúng giờ và chỉ rời lớp ra về khi buổi học kết thúc, tắt hoặc chuyển điện thoại sang chế độ rung và không nghe điện thoại trong giờ học.
 - Sinh viên tập trung lắng nghe khi giảng viên hoặc sinh viên trong lớp trình bày vấn đề trước lớp.
 - Trong giờ giảng, sinh viên tích cực nghe giảng, nghiêm túc tham gia các bài tập và thực hành nhóm, đưa ra những ý kiến phản biện với những giảng viên và sinh viên khác với sự tôn trọng và học hỏi.
 - Sau buổi giảng, sinh viên hoàn thành các bài tập về nhà, các nhiệm vụ cá nhân hay nhóm và chuẩn bị cho giờ học sau.
 - Sinh viên nên mạnh dạn và thẳng thắn chia sẻ những quan điểm cá nhân hay những vấn đề liên quan đến môn học bằng cách trao đổi trực tiếp với giảng viên hay qua email cá nhân của giảng viên được cung cấp trong đề cương này.
 - Sinh viên chuẩn bị giấy A4, viết chì, viết bi, bút dạ quang và giấy A0 theo yêu cầu của GV mỗi tuần học.

G. Tài liệu học tập:

1. Tài liệu bắt buộc:

1. Richard J.Gerrig & Philip G.Zimbardo (2013). *Tâm lý học và đời sống* (Kim Dân dịch), NXB Lao Động, Hà Nội.
2. Stephen Worchel & Wayne Shebilsue (2007). *Tâm lý học- Nguyên lý và ứng dụng* (Trần Đức Hiền dịch), NXB Lao động- Xã hội, TP.HCM.
3. Jeffry S.Nevid (2012). *Essentials of Psychology: Concepts and applications*, Nelson Education Ltd, Canada.

2. Tài liệu không bắt buộc (tham khảo):

4. Kalat, James (2013). *Introduction to Psychology*, 9th Ed. Wadsworth- Thomson Learnig.
5. Pierre Daco (2008). *Những thành tựu lấy lòng trong Tâm lý học hiện đại*, Võ Liên Phương dịch, NXB Lao Động, Hà Nội.
6. Claude M.Bristol (2010). *The magic of believing- Sức mạnh niềm tin* (Vương Bảo Long dịch), NXB Trẻ, TP.HCM.
7. John W.Santrock (2004). *Tìm hiểu thế giới tâm lý của tuổi Vị Thành Niên* (Trần Thị lan Hương dịch), NXB Trẻ, TP.HCM.
8. Jean Piaget & Barbel, Inhelder (2000). *Tâm lý học trẻ em và ứng dụng Tâm lý học Piaget vào trường học* (Nhóm Lê Văn Hồng dịch), NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội.
9. Thomas Amstrong (2008). *7 loại hình thông minh* (Mạnh Hải, Thu Hiền dịch), NXB Lao động, Hà Nội.
10. Nguyễn Ngọc Bích (1998). *Tâm lý học nhân cách*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
11. Phạm Minh Hạc (1998). *Tâm lý học đại cương*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
12. Phạm Minh Lăng (2004). *Freud và Phân tâm học*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
13. Phan Trọng Ngọ (2001). *Tâm lý học trí tuệ*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
14. Trần Hiệp (1996). *Tâm lý học xã hội*, Viện Tâm lý học, Trung tâm Khoa học và Xã hội Nhân văn Quốc Gia, NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội.

H. Đánh giá kết quả học tập môn học:

1. Thuyết minh về cách đánh giá kết quả học tập

Sinh viên học môn Tâm lý học- Khái niệm và ứng dụng sẽ được đánh giá trên các loại hình sau:

- 1) Bài tập nhóm:** Trong mỗi buổi học, GV sẽ luôn có các bài tập cho các nhóm. Mỗi nhóm sẽ được GV đánh giá điểm số cho bài tập tại lớp trong mỗi tuần. Bài tập này xuyên suốt từ tuần 2 đến tuần 13. Điểm bài tập nhóm là điểm kiểm tra 1 và được tính bằng cách tính điểm trung bình điểm số bài tập của mỗi nhóm trong các tuần. Bài tập nhóm chiếm trọng số 30%.
- 2) Bài tập cá nhân:** GV sẽ đánh giá thông qua bài kiểm tra cá nhân làm trên giấy trong 45 phút tại lớp. Đề kiểm tra là đề đóng dưới dạng tình huống. Bài tập cá nhân là bài kiểm tra 2 và chiếm trọng số 30%
- 3) Đề án cuối kỳ:** SV sẽ tự chọn một đề tài nghiên cứu và thực hiện một nghiên cứu lý thuyết (paper research) về đề tài một đề tài. Giảng viên duyệt đề tài SV chọn và thực hiện từ tuần 3 đến tuần 13 và chuẩn bị bài báo cáo nói (thuyết trình) trước lớp vào tuần 14, 15 và bài báo cáo viết nộp cho Giảng viên vào tuần 14.. Trong suốt 11 tuần thực hiện đề án, SV sẽ phải nộp kế hoạch thực hiện đề án và 3 bảng báo cáo tuần (2 tuần báo cáo 1 lần) cho GV. Đề án cuối kỳ chiếm trọng số 40%.

2. Tóm tắt cách đánh giá kết quả học tập

<i>Thành phần</i>	<i>Thời lượng</i>	<i>Tóm tắt biện pháp đánh giá</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Thời điểm</i>
Bài tập nhóm	15 phút/nhóm/tuần	Nhóm thực hiện các bài tập GV giao tại lớp trong suốt 11 tuần	30%	Trong suốt khóa học
Bài tập cá nhân	45 phút	SV làm bài kiểm tra trên giấy tại lớp	30%	Tuần 10
Đề án cuối kỳ	30 phút/Nhóm	Sinh viên thực hiện một đề án thực tế và báo cáo tại lớp	40%	Báo cáo vào tuần 14, 15
* Ghi chú: Sinh viên sẽ không được công nhận lấy chứng chỉ môn này nếu vắng quá 30% tổng số tiết (vắng từ 5 buổi trở lên)				

I. Tính chính trực trong học thuật (academic integrity)

Chính trực là một giá trị cốt lõi và mang tính quyết định cho chất lượng đào tạo của một trường đại học. Vì vậy, đảm bảo sự chính trực trong giảng dạy, học tập, và nghiên cứu luôn được chú trọng tại Đại học Hoa Sen. Cụ thể, sinh viên cần thực hiện những điều sau:

1. **Làm việc độc lập đối với những bài tập cá nhân:** Những bài tập hoặc bài kiểm tra cá nhân nhằm đánh giá khả năng của từng sinh viên. Sinh viên phải tự mình thực hiện những bài tập này; không được nhờ sự giúp đỡ của ai khác. Sinh viên cũng không được phép giúp đỡ bạn khác trong lớp nếu không được sự đồng ý của giảng viên. Đối với bài kiểm tra (cả tại lớp và tự làm ở nhà), sinh viên không được gian lận dưới bất cứ hình thức nào.
2. **Không đạo văn:** Đạo văn (plagiarism) là việc sử dụng ý, câu văn, hoặc bài viết của người khác trong bài viết của mình mà không có trích dẫn phù hợp. Sinh viên sẽ bị xem là đạo văn nếu:
 - i. Sao chép nguyên văn một câu hay một đoạn văn mà không đưa vào ngoặc kép và không có trích dẫn phù hợp.
 - ii. Sử dụng toàn bộ hay một phần bài viết của người khác.
 - iii. Diễn đạt lại (rephrase) hoặc dịch (translate) ý tưởng, đoạn văn của người khác mà không có trích dẫn phù hợp.
 - iv. Tự đạo văn (self-plagiarize) bằng cách sử dụng toàn bộ hoặc phần nội dung chủ yếu của một đề tài, báo cáo, bài kiểm tra do chính mình viết để nộp cho hai (hay nhiều) lớp khác nhau.
3. **Có trách nhiệm trong làm việc nhóm:** Các hoạt động nhóm, bài tập nhóm, hay báo cáo nhóm vẫn phải thể hiện sự đóng góp của cá nhân ở những vai trò khác nhau. Báo cáo cuối kỳ của sinh viên nên có phần ghi nhận những đóng góp cá nhân này.

Bất kỳ hành động không chính trực nào của Sinh viên, dù bị phát hiện ở bất kỳ thời điểm nào (kể cả sau khi điểm đã được công bố hoặc kết thúc môn học) đều sẽ dẫn đến điểm 0 đối với phần kiểm tra tương ứng, hoặc điểm 0 cho toàn bộ môn học tùy vào mức độ. (tham khảo *Chính sách Phòng tránh Đạo văn* tại: <http://thuvien.hoasen.edu.vn/chinh-sach-phong-tranh-dao-van>). Để nêu cao và giữ vững tính chính trực, nhà trường cũng khuyến khích sinh viên báo cáo cho giảng viên và Trường Khoa những trường hợp gian lận mà mình biết được.

J. Phân công giảng dạy:

STT	Họ và tên	Email, Điện thoại, Phòng làm việc	Lịch tiếp SV	Vị trí giảng dạy
1	Th.s Phan Trinh Hoàng Dạ Thy	<ul style="list-style-type: none"> o thi.phantrinhhoangda@hoasen.edu.vn o ĐT: 08 54370086, số nội bộ: 180 	14.00-16:00, thứ 5, F201, cơ sở 2.	Quản lý môn học, Giảng viên cơ hữu
2	Th.s Lê Khắc Mỹ Phượng	phuong.lekhacmy@hoasen.edu.vn		Giảng viên cơ hữu
3	Th.s Nguyễn Thị Ngọc Giàu	giau.nguyenthingoc@hoasen.edu.vn		Giảng viên cơ hữu
4	Th.s Phạm Văn Sỹ	sy.phamvan@hoasen.edu.vn		Giảng viên cơ hữu
5	CN Lê Trần Hoàng Duy	duy.letranhoang@hoasen.edu.vn		Giảng viên cơ hữu

K. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần/ Buổi	Tựa đề bài giảng	Tài liệu bắt buộc /tham khảo	Ghi chú
1/15	Giới thiệu đề cương và phương pháp học tập Bài 1- Khoa học về tâm lý <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm Tâm lý học. - Lịch sử Tâm lý học hiện đại và những nhà Tâm lý học tiêu biểu. - Phương pháp nghiên cứu Tâm lý học. - Ứng dụng xây dựng thái độ khoa học trong đánh giá một vấn đề. 	[tr10-53, 1]; [tr7-32, 2]; [tr2-39, 3]	- Giảng viên dành 45 phút để giới thiệu đề cương và chương trình học - Giảng viên giao đề án.

2/15	Bài 2- Cơ sở sinh học của tâm lý - Cấu trúc hệ thần kinh. - Cấu trúc và phương thức hoạt động của neuron thần kinh. - Cấu trúc và chức năng bộ não - Phân tích trường hợp Phineas Gage. - Ứng dụng phân tích tình yêu dưới góc độ sinh học thần kinh.	[tr68-110, 1]; [tr33-69, 2]; [tr40-85, 3]	
3/15	Bài 3- Cảm giác và tri giác - Khái niệm nhận thức và các giai đoạn của nhận thức. - Khái niệm cảm giác, tri giác và các quy luật cảm giác, tri giác. - Ứng dụng phân tích các yếu tố tác động đến nhận thức và cách ứng dụng các quy luật cảm giác, tri giác trong cuộc sống.	[tr105-129, 2] [tr88-131, 3]	GV giao đề án
4/15	Bài 4- Các giai đoạn phát triển tâm lý theo lứa tuổi - Các giai đoạn phát triển tâm lý theo lứa tuổi. - Một số học thuyết về tâm lý học phát triển. - Ứng dụng phân tích đặc điểm tâm lý từng lứa tuổi.	[tr323- 353, 3]	
5/15	Bài 5- Tiến trình học tập theo thuyết hành vi - Lịch sử ra đời thuyết hành	[tr175-245, 3]	

	<p>vi.</p> <p>- Lý thuyết điều kiện hóa cổ điển.</p> <p>- Lý thuyết điều kiện hóa từ kết quả.</p> <p>- Ứng dụng phân tích cách tạo lập và dập tắt hành vi.</p>		
6/15	<p>Bài 6- Trí nhớ</p> <p>- Các nghiên cứu về trí nhớ.</p> <p>- Các giai đoạn ghi nhớ</p> <p>- Phân loại trí nhớ</p> <p>- Học thuyết về trí nhớ</p> <p>- Chứng quên (Amnesia) và mối liên hệ với hồi hải mã (Hippocampus)</p> <p>- Ứng dụng phân tích nguyên nhân quên thông tin trong học tập.</p>	<p>[tr231-264, 1];</p> <p>[tr208-246, 2];</p> <p>[tr264-281, 3]</p>	
7/15	<p>Bài 7- Tư duy</p> <p>- Khái niệm tư duy</p> <p>- Sự khác nhau trong tư duy của con người và động vật</p> <p>- Các cấp độ phát triển của tư duy ở người.</p> <p>- Ứng dụng tư duy trong giải quyết vấn đề.</p>	<p>[tr261-287, 2];</p> <p>[tr244-264, 3]</p>	
8/15	<p>Bài 8- Trí thông minh và vấn đề đánh giá trí thông minh.</p> <p>- Các học thuyết trí thông minh.</p> <p>- Nguồn gốc của vấn đề kiểm tra trí thông minh.</p> <p>- Quan điểm của xã hội về trí thông minh và đánh giá trí</p>	<p>[tr318-342, 1];</p> <p>[tr249-60, 2]</p>	

	<p>thông minh (di truyền, môi trường, chủng tộc, ..)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số trắc nghiệm kiểm tra trí thông minh. - Ứng dụng đánh giá trí thông minh của bản thân. 		
9/15	<p>Bài 9- Ý thức và các trạng thái chuyển đổi ý thức.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm ý thức và vô thức. - Các trạng thái chuyển đổi ý thức. - Các giai đoạn của giấc ngủ - Các học thuyết về giấc mơ. - Ứng dụng phân tích nguyên nhân mất ngủ và những trường hợp bị tác động bởi vô thức trong cuộc sống. 	[tr130-172, 2]	
10/15	<p>Bài 10- Động cơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm động cơ. - Phân loại động cơ. - Các học thuyết về động cơ. - Ứng dụng phân tích động cơ học tập của sinh viên. 	[tr359-402, 2]; [tr286-321, 3]	Kiểm tra 45 phút
11/15	<p>Bài 11- Cảm xúc, stress và sức khỏe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các học thuyết về cảm xúc. - Phân tích và nhận diện các cảm xúc sợ hãi, lo âu, giận dữ, hạnh phúc,... - Các cấp độ, nguyên nhân và tác hại của stress. - Ảnh hưởng của stress đến 	[tr431-477, 1], [tr403-444, 2] [tr443-477, 3]	

	<p>sức khỏe.</p> <p>- Ứng dụng quản lý cảm xúc của bản thân</p>		
12/15	<p>Bài 12- Tri giác xã hội</p> <p>- Một số hiện tượng tâm lý trong tri giác xã hội: ấn tượng ban đầu, quy gán xã hội, ám thị, khuôn mẫu và định kiến.</p> <p>- Ảnh hưởng của tri giác xã hội đến hành vi..</p> <p>- Ứng dụng phân tích sự tác động của các hiệu ứng tâm lý trong tri giác xã hội đến việc tạo lập mối quan hệ.</p>	<p>[5]</p> <p>[tr593-633, 3]</p>	
13/15	<p>Bài 13- Khái niệm « sang chấn tâm lý » và các hiện tượng rối loạn tâm lý</p> <p>- Các hành vi dị thường (Abnormal).</p> <p>- Những sang chấn tâm lý và hiện tượng rối loạn tâm lý.</p> <p>- Liệu pháp trị liệu tâm lý.</p> <p>- Ứng dụng nhận diện những hiện tượng tâm lý bất thường trong cuộc sống.</p>	<p>[tr516-597, 1];</p> <p>[tr491-576, 2]</p>	
14/15	Sinh viên báo cáo đề án		Sinh viên nộp đề án tại lớp
15/15	Sinh viên báo cáo đề án		

L. Chú giải 8 nội dung tích hợp của Giáo dục khai phóng (Liberal Art) vào môn học

TT	Nội dung tích hợp	Phương thức tiến hành môn học	Đánh giá
1	Kỹ năng nghiên cứu (Research skills)	Phát hiện vấn đề và xây dựng đề tài nghiên cứu. Xác định mục tiêu nghiên cứu. Xây dựng giả thuyết nghiên cứu. Chọn (thu hẹp và mở rộng) các từ khóa tìm kiếm Cách nhận biết các loại thông tin: khoa học, báo chí thông thường... Tổng hợp và viết lịch sử vấn đề nghiên cứu (literature review)	Kiểm tra 3: Đề án cuối khóa (40%)
2	Kỹ năng sử dụng công nghệ (Technology skills)	Dùng Excel khi viết kế hoạch làm việc nhóm Dùng ppt khi thuyết trình đề án. Dùng word khi viết báo cáo đề án Dùng Internet hiệu quả để tra cứu thông tin Dùng các phần mềm làm video	Kiểm tra 1: Bài tập nhóm (30%) Kiểm tra 3: Đề án cuối khóa (40%)
3	Làm việc nhóm (Teamwork)	Sinh viên làm việc theo nhóm với các bài tập tại lớp và đề án. GV hỗ trợ các nhóm trong hướng dẫn cách làm việc nhóm và những vấn đề liên quan đề án tại lớp và tại các giờ trực ở văn phòng.	Kiểm tra 1: Bài tập nhóm (30%) Kiểm tra 3: Đề án cuối khóa (40%)
4	Vận dụng nguồn lực và dịch vụ tại Đại học (Knowledge of campus resources & services)	1. Thư viện: SV sử dụng nguồn tài liệu tại thư viện (bao gồm sách, dữ liệu online và các liên kết tra cứu dữ liệu khác) để tìm kiếm thông tin. 2. Turnitin: SV nộp đề án cuối kỳ qua Turnitin trước khi nộp cho GV.	Kiểm tra 1: Bài tập nhóm (30%) Kiểm tra 3: Đề án cuối khóa (40%)
5	Quản lý thời gian (Time management)	SV xây dựng kế hoạch làm việc nhóm và gửi cho GV. SV thực hiện báo cáo tiến độ công việc theo kế hoạch của nhóm.	Kiểm tra 1: Bài tập nhóm (30%) Kiểm tra 3: Đề án cuối khóa (40%)
6	Liêm chính học thuật (Academic integrity and honesty)	Phần I	Kiểm tra 1: Bài tập nhóm (30%) Kiểm tra 2: Bài kiểm tra cá nhân (30%) Kiểm tra 3: Đề án cuối khóa (40%)
7	Sử dụng tiếng Việt (Use of the Vietnamese language)	Ngôn ngữ nói: SV sử dụng tiếng Việt hiệu quả trong quá trình giao tiếp trực tiếp tại lớp. Ngôn ngữ viết: SV sử dụng tiếng Việt đúng chính tả, từ, ngữ pháp trong các bài tập, bài kiểm tra và đề án	Kiểm tra 1: Bài tập nhóm (30%) Kiểm tra 2: Bài kiểm tra cá nhân (30%) Kiểm tra 3: Đề án cuối khóa (40%)
8	Thực hiện đánh giá (Making informed judgments)	Các thảo luận tại lớp Các bài tập tại lớp Các bài kiểm tra	Kiểm tra 1: Bài tập nhóm (30%) Kiểm tra 2: Bài kiểm tra cá nhân (30%) Kiểm tra 3: Đề án cuối khóa (40%)